

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 17/02/2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Bà Lê Thị Hạnh Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04/12/2024, về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HN, ngày 03/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Hữu C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2022 tại UBND thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh C có quen nhau khoảng 01 tháng, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán, Nữ trang ngày cưới đã bán không còn.

Sau ngày cưới, chị làm nghề buôn bán nhỏ, anh C không nghề nghiệp, cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn, đến tháng 12 năm 2022 vợ chồng cùng đi thành

phố Hồ Chí Minh làm thuê, lúc này phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp, tình cảm và chi tiêu tiền bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã với nhau, sống không có hạnh phúc, anh C hay ghen tuông vô cớ, khó khăn với chị mọi vấn đề trong cuộc sống, do công việc chị thường về nhà rồi trở lại Hồ Chí Minh, còn anh C làm phục vụ nhà hàng, do anh C không sửa đổi tính tình nên không chung sống được, đến ngày 15/5/2024 vợ chồng sống ly thân và chấm dứt tình cảm vợ chồng cho đến nay. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh Trần Hữu C chung sống không có sinh con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Trần Hữu C là bị đơn trong vụ án, anh C vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh C, về con chung không có, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị M nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Trần Hữu C là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Trần Hữu C vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị M khởi kiện anh C yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, ngoài ra chị M không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị M và anh C xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2022 tại UBND thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Chị Lê Thị Ngọc M khai*: Sau ngày cưới chị làm nghề buôn bán nhỏ, anh C không nghề nghiệp, cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn, đến tháng 12 năm 2022 vợ chồng cùng đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, lúc này phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp, tình cảm và chi tiêu tiền bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc, anh C hay ghen tuông vô cớ, khó khăn với chị mọi vấn đề trong cuộc sống, do công việc chị thường về nhà rồi trở lại Hồ Chí Minh, anh C làm phục vụ nhà hàng, do mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, anh C không sửa đổi tính tình nên không chung sống được, đến ngày 15/5/2024 vợ chồng sống ly thân và chấm dứt tình cảm vợ chồng cho đến nay. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- *Đối với anh Trần Hữu C*: Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Trần Thị Huyền T (em ruột anh C) nhận và cam kết giao lại cho anh C để anh C tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/12/2024 và ngày 06/01/2024 anh C đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Quá trình giải quyết vụ án anh C có cung cấp bản tự khai đề ngày 10/01/2025 trình bày là anh C đồng ý ly hôn với chị M, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh C xảy ra từ ngày 15/5/2024 kéo dài đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không chung sống với nhau, mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, tính đến nay vợ chồng đã ly thân 09 tháng, tại phiên tòa chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh C. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh C là đúng quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Chị M và anh C chung sống không có sinh con.

- *Về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc M.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Lê Thị Ngọc M được ly hôn với anh Trần Hữu C.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Lê Thị Ngọc M nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011499, ngày 25/11/2024 do chị M nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Lê Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

- **Về quyền kháng cáo:**

+ Chị Lê Thị Ngọc M có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Trần Hữu C1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

